

Số: **1672** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **25** tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình
Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận,
huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2) năm 2015**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 7324
	Ngày: 28/9/15
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án điều chỉnh bổ sung trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2015 Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án điều chỉnh bổ sung trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Trên cơ sở Báo cáo số 09/KQTT-TV ngày 27/8/2015 của Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp HD về kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận (Đợt 2) năm 2015 Dự án trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số

464/CCKL-BVR ngày 20/7/2015 của Chi cục Kiểm lâm về việc thỏa thuận biện pháp phòng cháy, chữa cháy trong hồ sơ thiết kế trồng rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2137/TTr-STNMT ngày 07/9/2015, Công văn số 2260/STNMT ngày 16/9/2015 và Công văn số 2343/STNMT ngày 23/9/2015 về việc xin thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán dự án Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2) năm 2015, đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2126/BCTĐ-SNNPTNT ngày 09/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2) năm 2015 với nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị quản lý dự án: Ban quản lý các dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa điểm xây dựng: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quy mô xây dựng:

- Tổng diện tích thiết kế trồng rừng: 19,5048 ha. Trong đó:

+ Diện tích trồng cây Đước: 4,5900 ha.

+ Diện tích trồng cây Cóc trắng: 14,9148 ha.

- Tổng diện tích thiết kế chăm sóc rừng trồng: 15,6430 ha. Trong đó:

+ Diện tích chăm sóc rừng trồng cây Đước: 4,7414 ha.

+ Diện tích chăm sóc rừng trồng cây Cóc trắng: 10,9016 ha.

- Tổng diện tích chăm sóc rừng khoanh nuôi có trồng bổ sung: 11,2506 ha.

+ Diện tích chăm sóc rừng khoanh nuôi có trồng bổ sung cây Đước: 1,3722 ha.

+ Diện tích chăm sóc rừng khoanh nuôi có trồng bổ sung cây Cóc trắng: 9,8784 ha.

- Tổng diện tích thiết kế bảo vệ rừng: 6,0197 ha.

+ Diện tích bảo vệ rừng Đước: 1,7833 ha.

+ Diện tích bảo vệ rừng Cóc trắng: 4,2364 ha.

6. Tóm tắt các giải pháp kỹ thuật lâm sinh:

a) Giải pháp kỹ thuật trồng rừng:

* Đối với cây *Đước*:

+ Xử lý thực bì: Không xử lý thực bì.

+ Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

+ Phương pháp trồng: Trồng bằng cây con ươm trong túi bầu PE có kích thước 15x20 cm, thời gian gieo ươm trên 14 tháng, chiều cao cây (H_{vn}) ≥ 50 cm, đường kính gốc (D_0) $\geq 1,0$ cm, cây có từ 10 cặp lá trở lên và không bị dập gãy thân, cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn.

+ Mật độ trồng: 10.000 cây/ha (hàng cách hàng 1m, cây cách cây 1m).

+ Làm đất: Đào hố trực tiếp trên mặt đất tự nhiên để trồng cây, dùng cuốc bàn hoặc xẻng đào hố để trồng cây, đào thẳng hàng, kích thước hố đào 30 x 30 x 30cm, đào hố đến đâu trồng cây đến đó.

+ Trồng cây: Vận chuyển cây con tập trung tại bờ lô trước khi trồng từ 1-2 ngày. Chọn thời điểm thủy triều xuống thì đào hố và trồng cây; đào hố đến đâu thì trồng cây đến đó. Khi trồng cây xong thì dùng cuốc san bằng mặt đất xung quanh và đóng cọc bảo vệ đường kính khoảng 2-3 cm, cao 1-1,5 m và buộc cây vào cọc.

+ Thời vụ trồng: Trồng từ tháng 7 đến tháng 9.

+ Trồng dặm, bảo vệ: Sau khi trồng 30 ngày thì tiến hành kiểm tra trồng dặm lại những cây chết, chống sửa lại cọc và cây nghiêng ngã, diệt sâu hại, côn trùng phá hại cây, tuân tra ngăn chặn gia súc phá hại cây trồng, không cho thả lưới đánh bắt thủy sản trong lô trồng rừng làm đổ ngã cây,....

* Đối với cây *Cóc Trắng*:

+ Xử lý thực bì: Không xử lý thực bì với mô hình trồng lên líp, xử lý thực bì toàn diện với mô hình trồng không lên líp.

+ Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

+ Phương pháp trồng: Trồng bằng cây con ươm trong túi bầu PE có kích thước 15x20 cm, thời gian gieo ươm trên 14 tháng, chiều cao cây (H_{vn}) ≥ 50 cm, đường kính gốc (D_0) $\geq 1,0$ cm, cây có từ 10 cặp lá trở lên và không bị dập gãy thân, cong queo, sâu bệnh, cụt ngọn.

+ Mật độ trồng:

. Mô hình không lên líp: Mật độ trồng 10.000 cây/ha (hàng cách hàng 01m, cây cách cây 01m).

. Mô hình lên líp: Mật độ trồng 5.791 cây/ha. Bề mặt luống rộng 3 m, bố trí 4 hàng cây, cự ly trồng trên líp (luống): hàng cách hàng 0,85 m và cây cách cây trong hàng 1,0 m

+ Làm đất:

Mô hình không lên líp: Đào hố trực tiếp trên mặt đất tự nhiên để trồng cây, kích thước hố đào 30 x 30 x 30cm, đào hố trước khi trồng cây từ 2-3

ngày

Mô hình lên líp: Đắp đất thành líp (luống) có mặt rộng 3,0 m; cao 45 - 50 cm so với mặt đất hiện trạng (mặt líp cao hơn mực nước ngập thường xuyên mùa mưa 10cm) để trồng cây. Đắp líp (luống) trước khi trồng từ 30-40 ngày để đất trong líp ổn định. Đào lấy đất tại chỗ để đắp líp, khoảng cách tim giữa 2 líp liền kề là 7,5 m. Dùng cuốc bàn băm nhỏ đất trên líp và đào hố có kích thước 30 x 30 x 30cm, đào hố trước khi trồng cây từ 2-3 ngày.

+ Trồng cây: Vận chuyển cây con tập trung tại bờ lô trước khi trồng từ 1-2 ngày. Khi trồng cây xong thì dùng cuốc san bằng mặt đất xung quanh và đóng cọc bảo vệ đường kính khoảng 2-3 cm, cao 1-1,5 m và buộc cây vào cọc.

+ Thời vụ trồng: Trồng từ tháng 7 đến tháng 9.

+ Trồng dặm, bảo vệ: Sau khi trồng 30 ngày thì tiến hành kiểm tra trồng dặm lại những cây chết, chống sửa lại cọc và cây nghiêng ngã, diệt sâu hại, côn trùng phá hại cây, tuần tra ngăn chặn gia súc phá hại cây trồng, phòng chống cháy rừng.

* Phòng cháy chữa cháy trong thiết kế trồng rừng

- Kết hợp nạo vét các đường ranh giới lô tạo thành mương tiêu thoát nước để thay thế đường băng cản lửa phòng chống cháy rừng,

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng, không đốt lửa trong khu vực trồng rừng và tích cực tham gia phòng chống cháy rừng,

- Hàng năm vào đầu mùa khô (tháng 3, 4) cần tiến hành phát dọn thực bì, nhổ cỏ, dọn sạch vật liệu có khả năng gây cháy trên các bờ mương đường ranh giới lô và đường bao xung quanh khu vực trồng rừng. Thường xuyên tuần tra, ngăn chặn không để người dân đốt lửa trong rừng.

b) Giải pháp kỹ thuật chăm sóc rừng trồng:

+ Số lần thực hiện: Thực hiện chăm sóc 02 lần trong năm, lần thứ nhất vào các tháng 3 và 4, lần thứ hai vào các tháng 8 và 9.

+ Biện pháp kỹ thuật chăm sóc:

Đối với Đước: Chống sửa lại cây nghiêng ngã, trồng dặm cây chết, cào dọn rác, diệt trừ sâu hại cây trồng.

Đối với Cóc Trắng: Chống sửa lại cây nghiêng ngã, trồng dặm cây chết, dọn cỏ và xới đất quanh gốc cây, tưới nước cho cây trồng khi đất khô kiệt, diệt trừ sâu hại cây trồng.

+ Bảo vệ rừng trồng: Tuần tra, canh giữ không cho người và gia súc phá hại cây trồng, phòng chống cháy, phòng trừ sâu bệnh,...

c) Giải pháp kỹ thuật chăm sóc rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung:

+ Số lần thực hiện: Thực hiện chăm sóc 02 lần trong năm, lần thứ nhất vào các tháng 3 và 4, lần thứ hai vào các tháng 8 và 9.

+ Biện pháp kỹ thuật chăm sóc:

Đối với Đước: Chồng sửa lại cây nghiêng ngã, trồng dặm cây chết, cào dọn rác, diệt trừ sâu hại cây trồng.

Đối với Cóc Trắng: Chồng sửa lại cây nghiêng ngã, trồng dặm cây chết, dọn cỏ và xới đất quanh gốc cây, tưới nước cho cây trồng khi đất khô kiệt, diệt trừ sâu hại cây trồng.

+ Bảo vệ rừng trồng: Tuân tra, canh giữ không cho người và gia súc phá hại cây trồng, phòng chống cháy, phòng trừ sâu bệnh,...

d) Giải pháp kỹ thuật bảo vệ rừng:

- Tuyên truyền, vận động người dân không chặt cây làm củi, không chặt cành, đẽo vỏ cây; không chăn thả gia súc vào rừng; không chặt phá làm hư hại cây trồng.

- Tuân tra ngăn chặn kịp thời sâu, bệnh hại rừng; phòng chống cháy rừng.

- Thường xuyên tuần tra, bảo vệ rừng, phát hiện kịp thời những hành vi làm xâm hại đến rừng.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng cho người dân trong vùng về Luật Bảo vệ Phát triển rừng.

- Vận động người dân tham gia bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

7. Giá trị dự toán phê duyệt

TT	Hạng mục chi phí	Tổng giá trị (đồng)
1	Chi phí trực tiếp	6.579.776.467
-	<i>Trồng Đước 2015</i>	1.025.920.411
-	<i>Trồng Cóc trắng 2015</i>	4.809.753.132
-	<i>Chăm sóc rừng trồng Đước (trồng năm 2014)</i>	128.339.727
-	<i>Chăm sóc rừng trồng Cóc trắng (trồng năm 2014)</i>	397.284.426
-	<i>Chăm sóc rừng khoanh nuôi có trồng bổ sung Đước + Cóc Trắng (trồng bổ sung năm 2014)</i>	210.523.156
-	<i>Quản lý bảo vệ rừng</i>	7.955.615
2	Chi phí chung	328.988.823
	<i>- Trồng Đước + Cóc trắng năm 2015</i>	291.783.677
	<i>- Chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi có trồng bổ sung năm 2014</i>	37.205.146
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	379.982.091
	<i>- Trồng Đước + Cóc trắng năm 2015</i>	337.010.147
	<i>- Chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi có trồng bổ sung năm 2014</i>	42.971.944
4	Chi phí xây dựng trước thuế	7.288.747.381

	- Trồng Đước + Cóc trắng năm 2015	6.464.467.367
	- Chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi có trồng bổ sung năm 2014	824.280.014
5	Thuế giá trị gia tăng	364.437.369
	- Trồng Đước + Cóc trắng năm 2015	323.223.368
	- Chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi có trồng bổ sung năm 2014	41.214.001
I	Chi phí xây dựng sau thuế (4+5)	7.653.184.750
II	Chi phí quản lý dự án	137.369.932
III	Chi phí tư vấn	376.241.315
IV	Chi phí khác	196.433.504
V	Chi phí dự phòng	753.340.381
VI	Trả nợ khối lượng thực hiện năm 2014	883.430.118
	Tổng cộng	10.000.000.000

Dự toán này là giá cố định, là căn cứ để quản lý chi phí xây dựng (có dự toán chi tiết được Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp HD thẩm tra tại báo cáo kết quả thẩm tra số 09/KQTT-TV ngày 27/8/2015 kèm theo).

8. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách Trung ương (từ Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu).

- Vốn Ngân sách tỉnh (tại Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 và Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 25/8/2015).

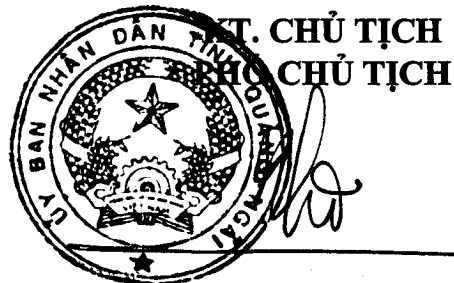
Điều 2. Quyết định này là căn cứ để tổ chức chỉ định thầu và thanh, quyết toán vốn đầu tư cho giá trị hoàn thành các hạng mục công trình ghi tại Điều 1 Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV854).



Phạm Trường Thọ